

Bản án: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày 5 - 8 - 2020

V/v ly hôn giữa chị L và anh T

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bắc.

2. Ông Nguyễn Ngọc Ngát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng, thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 5 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1994, có mặt.

- Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1990, vắng mặt.

- Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án chị Hoàng Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn T ngày 21/12/2012, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh T, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu tháng 02/2020, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra anh T là người vũ phu, thường xuyên đánh đuổi chị, đến cuối tháng 02/2020 chị đã về bên ngoại sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng chị không chấp nhận. Chị giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 6/9/2013 và cháu Hoàng Hải D, sinh ngày 02/4/2017, hiện cháu Đ đang ở cùng anh T, cháu D đang ở cùng chị. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng, chị nhận nuôi cháu D. Không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị Tòa án không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng đã tự chia xong nên chị không kê khai, vợ chồng không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại bản tự khai ngày 29/4/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2020 bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị L ngày 21/12/2012, trước khi kết hôn anh và chị L được tự do tìm hiểu, thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Theo anh mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu tháng 02/2020, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra chị L nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, sau đó chị L có biểu hiện ngoại tình, anh nóng giận có đánh chị L một lần, đến cuối tháng 02/2020 chị L về bên ngoại sống ly thân. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị chị L suy nghĩ lại để đoàn tụ vợ chồng và nuôi dạy con cái, chị L cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 6/9/2013 và cháu Hoàng Hải D, sinh ngày 02/4/2017, hiện nay cháu Đ ở cùng anh,

cháu D ở cùng chị L. Về con chung anh đề nghị được nuôi dưỡng Đ, chị L nuôi dưỡng cháu D, anh đề nghị Tòa án không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng đã tự thỏa thuận chia xong, vợ chồng không liên quan vay nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn, chị đề nghị giao con chung là cháu Hoàng Hải Đ cho anh T nuôi dưỡng, giao cho chị nuôi dưỡng cháu Hoàng Hải D, về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn chị Hoàng Thị L thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Tòa án giao giấy triệu tập phiên tòa; tổng đạt quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Văn T được ly hôn.

Về con chung: Giao anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 6/9/2013, giao chị Hoàng Thị L nuôi dưỡng cháu Hoàng Hải D, sinh ngày 02/4/2017, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản; công nợ chung vợ chồng.

Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập phiên tòa và quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn anh Hoàng Văn T, nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Hoàng Thị L, bị đơn anh Hoàng Văn T và những tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Hoàng Thị L kết hôn anh Hoàng Văn T ngày 21/12/2012 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh T, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, hiện vợ chồng đã có hai con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là đúng quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị L và anh T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu tháng 02/2020 nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng không tin tưởng, nghi ngờ nhau, anh T đánh đuổi chị L nên chị đã bỏ về bên ngoại sinh sống, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, để nuôi dạy con cái, nếu chị L cương quyết ly hôn anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã xảy ra căng thẳng trầm trọng, vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm lối sống. Đến cuối tháng 02/2020 khi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên chị L về ở hẳn gia đình bên ngoại, mặc dù đã được anh T đề nghị đoàn tụ vợ chồng, nhưng chị L cương quyết xin được ly hôn. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L, xử cho chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Văn T được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có hai con chung là Hoàng Hải Đ, sinh ngày 6/9/2013 và cháu Hoàng Hải D, sinh ngày 02/4/2017, hiện tại cháu Đ đang ở cùng anh T, cháu D đang ở cùng chị L. Anh T và chị L đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng không yêu Tòa án giải quyết.

Xét thấy sau khi về bên ngoại một thời gian chị L đón cháu D về chăm sóc, cháu Đ vẫn ở cùng anh T. Cháu Đ chưa đủ 7 tuổi, cháu D vừa đủ 3 tuổi nên không thuộc trường hợp phải hỏi ý cầu, hay thuộc trường hợp phải giao con cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn, anh T và chị L đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi của con chung và gắn trách nhiệm của cha mẹ đối với con trẻ, cần giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay. Giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Hải Đ, giao chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Hải D. Không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh T đều xác định, vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng không kê khai, hai bên đã tự thỏa thuận chia xong tài sản chung, vợ chồng không liên quan vay nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị L là người dân tộc thiểu số, dân tộc Tày sinh sống tại thôn Hạ, xã Long Sơn, huyện Sơn Động không thuộc thôn, xã có điều kiện tế đặc biệt khó khăn của huyện Sơn Động nên chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều

227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Văn T được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 6/9/2013, giao chị Hoàng Thị L nuôi dưỡng cháu Hoàng Hải D, sinh ngày 02/4/2017, không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị L, anh T đều có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của chị L, anh T.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số: AA/2010/007157 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên